

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN DANH HÙNG

HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI
HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ
Mã số: 9310102

HÀ NỘI - 2025

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Vũ Văn Phúc

2. PGS.TS. Phạm Thị Túy

Phản biện 1:
.....

Phản biện 2:
.....

Phản biện 3:
.....

**Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp
Học viện họp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi.....giờ....., ngày.....tháng..... năm 2025

**Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc gia
và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện đại, sự tồn tại của hợp tác xã (HTX), nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, mang tính phổ biến, khách quan. HTX không những đóng góp vào thành quả tăng trưởng, phát triển kinh tế của mỗi quốc gia, mà quan trọng hơn, nó hỗ trợ đắc lực các hình thức kinh doanh ở quy mô nhỏ, nhờ phát huy được ưu thế của sự liên kết ở quy mô lớn theo từng chức năng nhất định của quá trình tái sản xuất. Ở nước ta, HTX có một vai trò đặc biệt hơn nữa. Về mặt lý thuyết, trong quá trình tìm kiếm hình thức thích hợp để đưa nền kinh tế tiểu nông quá độ lên chủ nghĩa xã hội, V.I. Lênin đã tìm ra chế độ HTX. Với hình thức HTX, người nông dân vẫn có thể tham gia giao dịch hàng hóa nhằm bảo vệ lợi ích riêng của mình, đồng thời tạo điều kiện áp dụng các thành quả của cách mạng công nghiệp, đưa nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa (XHCN). Tuy nhiên, trong vận dụng lý thuyết vào thực tiễn, Việt Nam trước cải cách, đã hành chính hóa quản lý HTX đi cùng phi thị trường hóa nền kinh tế, nên đã làm tê liệt các động lực phát triển của HTX, làm cho nông dân chán ghét HTX. Từ khi cải cách mở cửa, Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam đã từng bước đổi mới chế độ HTX, xây dựng các mô hình HTX kiểu mới đi cùng với phát triển mạnh mẽ kinh tế thị trường. Giờ đây, theo các quy định pháp lý của Việt Nam, các HTX đã là đơn vị kinh doanh tự chủ trên thị trường, cạnh tranh bình đẳng với các loại hình kinh doanh khác nhằm mục đích đem lại dịch vụ tốt nhất cho thành viên. Nhờ những cải cách đó, HTX, trong đó có HTXNN, không những đã khôi phục lại động lực phát triển của mình, mà còn từng bước nâng cao tỷ trọng đóng góp vào GDP, hỗ trợ các hộ kinh doanh cá thể thích ứng với kinh tế thị trường hiện đại, góp phần xóa đói, giảm nghèo ở nông thôn và khuyến khích người dân làm giàu hợp pháp.

Với lựa chọn xây dựng kinh tế thị trường định hướng XHCN, việc tiếp tục củng cố và phát triển HTX trong nông nghiệp, nơi vẫn còn dựa chủ yếu vào kinh tế hộ gia đình, nơi tìm kiếm thu nhập của trên 60% dân số Việt Nam sống ở nông thôn, trở thành nhiệm vụ quan trọng của Đảng, Nhà nước và nông dân Việt Nam. Kiên trì chủ trương công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, đưa nông dân Việt Nam vào con đường kinh doanh hiệu quả, Đảng ta đã đưa ra nhiều chủ trương, chính sách tạo điều kiện cho HTX phát triển. Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng khẳng định: “Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác, các HTX, tổ hợp tác có phạm vi hoạt động rộng lớn, với vai trò cung cấp dịch vụ cho các thành viên; liên kết, phối hợp sản xuất kinh doanh, bảo vệ lợi ích và tạo điều kiện để các thành viên nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh, phát triển bền vững. Tăng cường liên kết giữa các HTX, hình thành các hiệp hội, liên hiệp HTX”.

Chính phủ cũng đưa ra nhiều chính sách hỗ trợ nhằm phát triển và thúc đẩy HTXNN hoạt động hiệu quả, hướng tới cải thiện điều kiện sống cho nông dân. Luật Hợp tác xã (sửa đổi) đã chính thức có hiệu lực ở nước ta từ ngày 1/7/2024 với nhiều quy định

thể hiện sự đổi mới đáng kể về cách tiếp cận và phát triển HTXNN phù hợp với tình hình mới.

Tuy nhiên, cho đến nay, các HTXNN ở Việt Nam vẫn còn gặp không ít khó khăn, chưa đảm nhiệm tốt vai trò mà Đảng, Nhà nước, xã hội và người nông dân kỳ vọng. Tính đến cuối năm 2023 Việt Nam mới có 31.764 HTX, 158 liên hiệp HTX và 73.000 tổ hợp tác xã, đóng góp gần 4% GDP. Trong khi đó Nghị quyết số 20-NQ/TW xác định mục tiêu “Đến năm 2030, cả nước có khoảng 140.000 tổ hợp tác, 2 triệu thành viên; 45.000 HTX với 8 triệu thành viên; 340 liên hiệp HTX với 1.700 HTX thành viên”. Những năm gần đây số lượng HTX thành lập mới hàng năm còn ít. Kết quả hoạt động của các HTX vẫn chưa đủ sức hấp dẫn đối với nhiều hộ gia đình nông dân. Một số tổ chức kinh tế đăng ký thành lập dưới hình thức HTX nhưng thực tế hoạt động chưa hoàn toàn tuân thủ các nguyên tắc của HTX. Nhìn chung, năng lực cạnh tranh, trình độ nhân lực, nhất là trình độ của cán bộ quản lý HTX, còn thấp. Các liên kết doanh nghiệp - HTX - hộ gia đình nông dân còn ít và lỏng lẻo khiến người sản xuất nông nghiệp còn hứng chịu nhiều rủi ro thị trường. Hỗ trợ của Nhà nước, nhất là trong khâu triển khai còn chậm chễ, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Để phát triển nhanh HTX nhằm đạt mục tiêu vào năm 2030 cũng như các năm tiếp theo, hạn chế những rủi ro trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Do đó, luận án: ***“Hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam”*** với việc tập trung khai thác những vấn đề xoay quanh về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới được nghiên cứu sinh lựa chọn làm nghiên cứu cho trình độ tiến sĩ kinh tế chính trị của mình.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở làm rõ cơ sở lý luận về sự hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp mới, luận án tập trung phân tích, đánh giá các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong giai đoạn 2013-2023. Nhận diện những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ; từ đó làm cơ sở để đưa ra phương hướng và các giải pháp cụ thể nhằm phát huy tính hiệu quả của chính sách hỗ trợ Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp mới đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Nhằm cụ thể hoá mục tiêu nghiên cứu nêu trên, luận án thực hiện những nhiệm vụ sau:

Hệ thống hoá những vấn đề lý luận và thực tiễn về sự hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam.

Phân tích, đánh giá thực trạng chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023.

Đề xuất phương hướng và giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi nội dung: Luận án tập trung tiếp cận các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới dựa trên các căn cứ trong xác lập vai trò của Chính phủ đối các HTX theo Luật HTX 2012 và Luật HTX 2023, cụ thể qua 5 chính sách: (1) Chính sách hỗ trợ tài chính; (2) Chính sách đất đai; (3) Chính sách hỗ trợ đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; (4) Chính sách hỗ trợ tiếp cận khoa học công nghệ và (5) Chính sách hỗ trợ tiếp cận thị trường.

Phạm vi không gian: Việt Nam

Phạm vi thời gian: dữ liệu thứ cấp tiếp cận trong giai đoạn 2013 - 2023 (vì hợp tác xã kiểu mới ra đời sau Luật hợp tác xã 2012). Quan điểm, phương hướng và các giải pháp hỗ trợ đối với HTX nông nghiệp kiểu mới đến năm 2030.

4. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp tiếp cận

Luận án dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin; quan điểm, chủ trương, đường lối chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước và một số lý thuyết kinh tế khác liên quan đến hợp tác xã nông nghiệp. Trên nền tảng kinh nghiệm từ các quốc gia trong việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nghiên cứu đúc rút ra những bài học thiết thực trong triển khai các chính sách hỗ trợ ở Việt Nam hiện nay. Cùng với đó, Luận án sử dụng kết hợp cách tiếp cận kinh tế chính trị và cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu để làm rõ những nội dung có liên quan.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trên cơ sở phương pháp luận nghiên cứu duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

Phương pháp biện chứng duy vật

Phương pháp trừu tượng hoá khoa học

Phương pháp phân tích, tổng hợp

Phương pháp logic và lịch sử

Phương pháp chuyên gia

Phương pháp thống kê, so sánh

5. Đóng góp về khoa học và giá trị của luận án

5.1. Đóng góp mới về lý luận

Luận án hệ thống hoá các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến đề tài, từ đó, xác định những khoảng trống trong kiến thức hiện tại và đề xuất hướng nghiên cứu mới trong lĩnh vực thực hiện các chính sách về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Luận án làm rõ hơn quan niệm, nội dung, tiêu chí đánh giá và nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới dưới góc độ Kinh tế chính trị.

5.2. Đóng góp mới về thực tiễn

Luận án góp phần hình thành nên một “bức tranh” tổng thể đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đặc biệt sau khi có Luật hợp tác xã 2012. Khái quát hóa được những vấn đề mà quá trình hỗ trợ của Nhà nước đạt được từ những kết quả tích cực cũng như những rào cản trong quá trình triển khai các chính sách.

Luận án góp phần hiện thực hoá chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển bền vững các loại hình hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới nói riêng.

Luận án đưa ra những đề xuất về quan điểm (phương hướng) giải pháp tăng cường hỗ trợ của nhà nước với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam đến năm 2035.

6. Ý nghĩa khoa học của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Luận án góp phần bổ sung và làm sâu sắc hơn lý luận về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới dưới góc độ tiếp cận của chuyên ngành Kinh tế chính trị.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án cung cấp cơ sở khoa học cho các cơ quan có thẩm quyền xây dựng quy định, chính sách và chỉ đạo thực hiện quá trình triển khai các hoạt động hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

7. Kết cấu của luận án

Kết cấu luận án gồm 4 chương, ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Chương 2: Lý luận về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam và bài học thực tiễn

Chương 3: Thực trạng hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2023

Chương 4: Phương hướng và giải pháp tăng cường hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI

1.1. CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU NƯỚC NGOÀI, TRONG NƯỚC CÓ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1.1.1. Các công trình nghiên cứu nước ngoài có liên quan đến luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX NN

“Kurimoto (2014) nhấn mạnh tầm quan trọng của “thể chế” trong việc định hình và phát triển loại hình hợp tác xã nông nghiệp. Aimin và Shunfeng Song (2016) đã liệt kê ra 5 yếu tố hiện đang là rào cản trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp: thứ nhất, sự manh mún và nhỏ lẻ đất đai; thứ hai, phân tầng đối với người nông dân; thứ ba, thiếu hụt đội ngũ lao động có trình độ cao; thứ tư, những tàn dư từ mô hình HTX kiểu cũ có thể ảnh hưởng đến quá trình chuyển đổi sang HTX kiểu mới và thứ năm, khác biệt về cách thức tổ chức giữa các mô hình hợp tác xã. Osterberg, P. Nilsson (2009) nhận định sự thành công của hợp tác xã nông nghiệp phụ thuộc khá lớn vào sự tham gia của các thành viên hợp tác xã và năng lực của ban quản trị hợp tác xã. Yamashita Kazuhito (2009), nghiên cứu ảnh hưởng về môi trường chính trị và vai trò của cộng đồng nông thôn đối với quá trình phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở nhật Bản. Yếu tố tiếp cận tín dụng cũng là góp phần đáng kể trong việc xây dựng và phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới (Mohamed và Temu, 2008). Các nhà khoa học tin rằng việc tiếp cận tín dụng thúc đẩy việc áp dụng các công nghệ có tính rủi ro thông qua việc xoá bỏ rào cản thanh khoản cũng như tăng khả năng chịu rủi ro của các hợp tác xã (Simtowe và Zeller, 2006). Trong một số trường hợp, cần phải thiết kế các gói tín dụng đáp ứng nhu cầu các nhóm hợp tác xã cụ thể (Muzari và cộng sự, 2013).

Thứ hai, các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Marites A. Guinto và Takaaki Otahara (2018) khi nghiên cứu hợp tác xã nông nghiệp dưới góc nhìn vai trò của cơ quan quản lý nhà nước ở Philippines. Kimberly A. Zeuli và Robert Cropp (2020) cho rằng: để hợp tác xã nông nghiệp thực sự phát huy hết những lợi thế lớn của mình; điều quan trọng nhất là chính Chính phủ của các quốc gia cần có sự thay đổi nhanh chóng về cách nhìn nhận “hình ảnh” hợp tác xã nông nghiệp. Monica Juarez Adeler khi nghiên cứu hơn 50 hợp tác xã trong nông nghiệp trong cộng đồng tại bốn tỉnh của Mỹ, Colombia và Bỉ đã chỉ ra rằng mức độ phát triển của hợp tác xã liên quan trực tiếp đến bản chất của các chính sách hỗ trợ, điều kiện về cơ sở hạ tầng. Khung pháp lý và những quy định chưa chặt chẽ, không đảm bảo tuân thủ nghiêm túc trong thực thi hợp đồng giữa các chủ thể hay không áp dụng các hình thức trừng phạt

hợp lý đối với những người vi phạm hợp đồng, như vậy có thể làm ảnh hưởng đến hoạt động của các hợp tác xã (Nyoro and Ngugi, 2007). Thêm vào đó, chính vì sự yếu kém đó có thể đánh mất đi niềm tin trong các hợp đồng pháp lý đã thỏa thuận và làm tăng chi phí giao dịch.

Thứ ba, các nghiên cứu về khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Pauline Moris (2018) trong nghiên cứu “Cooperative development - viewed from a social perspective” (Phát triển hợp tác xã - Nhìn từ góc độ xã hội) được thực nghiệm thông qua 120 hợp tác xã ở Quebec để đi đến một nhận định rằng: đánh giá các chính sách phát triển hợp tác xã không nên nhìn vào các con số kinh tế được định lượng đơn điệu mà cần nhìn nhận một cách toàn diện thông qua những lợi ích xã hội mà hợp tác xã mang lại.

Elena Garnevska, Guozhong Liu (2018) cho rằng: để các hợp tác xã nông nghiệp ở vùng Tây Bắc Trung Quốc đạt được những thành tựu khả quan; điều kiện tiên quyết đến từ một môi trường pháp lý ổn định qua các năm. Nghiên cứu của United Nations Department of Social Development Policy (2020) khi đánh giá sự chuyển biến trong quá trình phát triển các HTX ở các nước đang phát triển giai đoạn 2009-2019 đã đưa ra một số khuyến nghị để loại hình HTX nông nghiệp thực sự phát triển bền vững. Trong nghiên cứu của mình, GF Ortmann & RP King (2020) hướng đến nghiên cứu hợp tác xã nông nghiệp dưới góc độ cấu trúc (vòng đời) phát triển của mô hình sản xuất này. Maureen Casile (2020) trong nghiên cứu: “The success of agricultural cooperatives - A case study in the state of California” khi đi sâu vào tìm hiểu những lý do nào tạo ra sự thịnh vượng về mặt kinh tế và tính hiệu quả về mặt tổ chức của các hợp tác xã nông nghiệp ở bang California (Mỹ).

1.1.2. Các công trình trong nước liên quan đến luận án

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển HTX NN

Lâm Quang Huyền (2004) nhận định hoạt động kinh tế của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp chủ yếu thể hiện ở ba khía cạnh: (1) Làm dịch vụ đầu vào đầu ra, đầu tư vào các lĩnh vực, các địa bàn mà các thành phần kinh tế khác không đủ sức hoặc không muốn đầu tư hoặc hỗ trợ để các thành phần kinh tế cùng nhau phát triển. (2) Tạo mối liên kết, ổn định lâu dài các hợp tác xã trong nông nghiệp theo hướng liên kết “bốn nhà”. (3) Đổi mới cơ chế đất đai của các nông trường.

Bàn về nhân tố con người, Chử Văn Lâm (2006) nhấn mạnh yếu tố cản trở lớn nhất quá trình phát triển hợp tác xã nông nghiệp chính là đội ngũ quản lý hợp tác xã. Chu Tiến Quang (2012) phân tích các yếu tố tác động đến sự phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở hai khía cạnh: ngoại sinh và nội sinh. Nguyễn Minh Ngọc (2012) phân tích chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước - yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp nói riêng và các xu

thể phát triển của nó. Đinh Quang Hiếu và cộng sự (2021) trong nghiên cứu: “*Hiện trạng áp dụng công nghệ số tại các hợp tác xã nông nghiệp trong hoạt động sản xuất và kinh doanh ở Việt Nam*” đã chỉ ra hạn chế, khó khăn chính trong áp dụng công nghệ số tại các hợp tác xã là do cơ sở vật chất về công nghệ thông tin còn thiếu và lạc hậu, trình độ công nghệ thông tin của các thành viên trong hợp tác xã còn yếu. Phạm Thị Tân (2021), khẳng định hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam có bước phát triển đáng kể về quy mô và cách thức tổ chức.

Thứ hai, các nghiên cứu về vai trò của Nhà nước trong việc hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Nghiên cứu của Nguyễn Minh Tú được thực hiện sau năm 2012 - thời điểm mà luật HTX kiểu mới vừa có tính hiệu lực. Dựa trên kết quả khảo sát khoảng 200 HTX ở nhiều lĩnh vực khác nhau; nghiên cứu đã chỉ ra những cách thức cụ thể để thiết lập các chính sách hỗ trợ kịp thời của Nhà nước. Trong nghiên cứu “*Rào cản trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở vùng Đông Nam bộ*”, Lý Nhã Hân (2014) đã tiến hành khảo sát 120 HTX thuộc lĩnh vực nông nghiệp để thu thập các ý kiến xoay quanh các chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kể từ khi Luật Hợp tác xã năm 2012 đi vào triển khai. Tiếp cận 70 hợp tác xã nông nghiệp trải dài các vùng, miền trong cả nước; nghiên cứu của Trần Đức Quang và cộng sự (2019) thông qua các tiêu chí: lĩnh vực hoạt động; thời gian thành lập; mức độ chuyên môn hoá và doanh thu trong giai đoạn 2010-2018 để làm cơ sở đánh giá cụ thể hơn các chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với các hợp tác xã nông nghiệp.

Thứ ba, các nghiên cứu về khuyến nghị chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp

Trần Trọng Phương & Lưu Đức Chinh (2015) đã tiến hành tổng hợp khá đầy đủ về những chính sách hỗ trợ đối với hợp tác xã nông nghiệp thông qua các văn bản quy phạm pháp luật từ năm 2014 trở về trước. Hoàng Minh Thái (2021) trong nghiên cứu *Giải pháp tháo gỡ vướng mắc khi tiếp cận vốn tín dụng của các hợp tác xã* cho thấy loại hình kinh tế hợp tác xã ở nước ta tuy phát triển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra, đang có những tồn tại, bất cập, hạn chế cần được quan tâm.

1.2. ĐÁNH GIÁ CHUNG CÁC CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐÃ CÔNG BỐ VÀ NHỮNG KHOẢNG TRỐNG LUẬN ÁN CẦN NGHIÊN CỨU

1.2.1. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

Về lý luận

Thứ nhất, các nghiên cứu đã tiếp cận một cách có hệ thống những vấn đề cơ bản, phân tích các giai đoạn hình thành và phát triển của các hợp tác xã nông nghiệp. Điểm độc đáo nhất là làm rõ quá trình kết thúc dần từ hình thức hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ không còn phù hợp sang hình thức hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới. Nêu bật rõ những lợi ích và tính hiệu quả của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, những đóng góp của hình thức này trong cơ cấu kinh tế - xã hội. Các nghiên cứu trong và ngoài nước đều

khẳng định phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới là yêu cầu khách quan trong nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, các nghiên cứu đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở những khía cạnh và lĩnh vực khác nhau. Có thể thấy các yếu tố này khá đa dạng nhưng tựu chung lại, hầu hết các nghiên cứu đều khẳng định sự tồn tại về vai trò của Nhà nước trong việc tạo hành lang pháp lý thông thoáng cũng như tham gia hỗ trợ cho loại hình hợp tác xã nông nghiệp phát triển hiệu quả.

Về thực tiễn

Thứ nhất, điểm nổi bật trong các nghiên cứu về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới là sự nhấn mạnh đến yêu cầu về việc con người trong đó có ban quản trị lẫn xã viên cần phải đổi mới tư duy, đổi mới nhận thức để thích ứng và phát triển. hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới không chỉ dừng lại ở kết quả năng suất mà cần lồng ghép trong đó các kỹ năng về kỹ trị, về marketing, về truyền thông, về tổ chức hiệu quả đầu ra của sản phẩm. Sự thay đổi và linh hoạt, thích ứng là điểm nổi bật quan trọng để hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới thực sự thành công trong tương lai.

Thứ hai, hầu hết các nghiên cứu trong và ngoài nước đều khẳng định vai trò to lớn của hợp tác xã nông nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội. Mô hình này đóng góp vào nền kinh tế quốc gia cũng như kinh tế địa phương trên nhiều phương diện, như: nâng cao thu nhập, tạo việc làm, góp phần xây dựng nông thôn, giải quyết an sinh xã hội,... Mặc dù vai trò của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới khá lớn nhưng trong thực tế các bài viết cũng đã chỉ rõ những hạn chế chưa được phát huy như: thiếu hụt các nguồn lực (vốn, nhân lực) trong phát triển; thể chế vẫn còn chung chung, kỹ năng quản trị chưa cao.

1.2.2. Khoảng trống luận án cần tiếp tục nghiên cứu

Về lý luận

Thứ nhất, mặc dù việc tiếp cận các vấn đề xoay quanh hợp tác xã là khá đa dạng đặc biệt là các hợp tác xã nông nghiệp tuy nhiên các nghiên cứu chỉ đi sâu vào một chính sách cụ thể, ví dụ chính sách đất đai hay chính sách vốn trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp hơn là thiết lập một bữa tranh toàn diện, bao trùm lên quá trình vận hành các hợp tác xã ở Việt Nam.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu ra đời trong hoàn cảnh dựa trên những chính sách về phát triển hợp tác xã từ thời Luật Hợp tác xã năm 2003 (kiểu cũ). Số lượng các nghiên cứu về xoay quanh hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới (năm 2012) tuy có nhiều nhưng chưa đi sâu vào đánh giá cụ thể các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đặc biệt trong bối cảnh Luật Hợp tác xã mới vừa mới có hiệu lực trong năm 2024.

Về thực tiễn

Thứ nhất, đặc trưng của các chính sách hợp tác xã phụ thuộc khá lớn vào Luật và các văn bản dưới luật đi kèm. Do đó, tương ứng với các luật hợp tác xã kiểu cũ, các

chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp vì vậy nó cũng khác nhau ở mỗi thời kỳ. Chính vì vậy, mặc dù số lượng nghiên cứu về hợp tác xã khá đa dạng nhưng tính kế thừa từ các chính sách hỗ trợ trong thực tiễn sẽ không cao.

Thứ hai, phần lớn các nghiên cứu về chính sách hỗ trợ đối với hợp tác xã nông nghiệp gắn liền với thực tiễn vận hành ngành nông nghiệp ở mỗi địa phương cụ thể. Do đó, việc nghiên cứu dưới góc độ chính sách hỗ trợ mang tính bao trùm toàn quốc chưa nhiều.

Thứ ba, bối cảnh thế giới và trong nước đang trải qua và tiếp nhận những thành tựu từ cuộc CMCN4.0, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới muốn thành công cần tận dụng một cách có hiệu quả những lợi thế về công nghệ. Yêu cầu đặt ra, các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cần tương thích với nhu cầu mới của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới nhưng ở thời điểm hiện tại, chưa có nghiên cứu nào tiếp cận dưới góc độ này.

Thứ tư, bối cảnh xu hướng bảo hộ lĩnh vực nông nghiệp sau đại dịch covid-19 cũng tạo ra không ít những thách thức lớn đối với quá trình phát triển các hợp tác xã nông nghiệp nói riêng và ngành nông nghiệp nước nhà nói chung. Do đó, các chính sách hỗ trợ của nhà nước đi kèm cần bám sát hơn vào bối cảnh thực tế hiện nay mà Việt Nam đang trải qua.

Chương 2

LÝ LUẬN VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM VÀ BÀI HỌC THỰC TIỄN

2.1. KHÁI NIỆM VÀ SỰ CẦN THIẾT VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

2.1.1. Khái niệm sự hỗ trợ và chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

- Khái niệm về hợp tác xã nông nghiệp

Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã.

- Khái niệm về hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới là hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững.

- Khái niệm về hỗ trợ

Hỗ trợ là hành vi của một chủ thể đem lại cho bên nhận (thiếu thốn) những vật chất và tinh thần để bên nhận vượt qua khó khăn hoặc đạt mục tiêu xác định.

- *Khái niệm về chính sách hỗ trợ*

Theo Jame Anderson (2020), chính sách hỗ trợ là một quá trình hành động có mục đích của các chủ thể hướng đến các đối tượng cụ thể trong xã hội nhằm đạt được các mục tiêu mà chính chủ thể đó quan tâm.

- *Khái niệm hỗ trợ nhà nước*

Theo Monica Juarez Adeler (2019): hỗ trợ của nhà nước mang lại lợi ích trực tiếp cho đối tượng tiếp nhận hỗ trợ và lợi ích gián tiếp cho lợi ích của địa phương và quốc gia.

- *Khái niệm hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới*

Kế thừa những điểm phù hợp của các định nghĩa nêu trên, trong luận án này, hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN được hiểu là *tập hợp những chính sách kinh tế có tác dụng giúp đỡ trực tiếp hoặc gián tiếp đến HTXNN nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các HTXNN phát triển hiệu quả, qua đó góp phần cải thiện điều kiện kinh doanh và thu nhập của các hộ thành viên, góp phần tăng trưởng kinh tế, phù hợp với kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam*. Với định nghĩa này hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN kiểu mới có những đặc trưng cơ bản sau:

“*Một là, hỗ trợ của Nhà nước có thể được đánh giá theo 2 hình thức: trực tiếp và gián tiếp. Trực tiếp có thể lượng hóa qua các giá trị bằng tiền hoặc các chính sách cụ thể nhằm trực tiếp vào các HTXNN nhận hỗ trợ. Gián tiếp có thể thông qua việc tạo thuận lợi trong môi trường đầu tư kinh doanh, giúp các HTXNN nhận sự hỗ trợ có cơ hội để hoạt động sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn.*

Hai là, hỗ trợ của Nhà nước vừa có tính khái quát vừa có tính cụ thể. Tính khái quát trong quá trình hỗ trợ được thể hiện thống nhất trong các văn bản quy phạm pháp luật như Luật hợp tác xã. Đặc thù ở mỗi giai đoạn kinh tế - xã hội và sự ảnh hưởng từ các yếu tố ngoại sinh khác nhau (như hội nhập quốc tế; biến động chính trị; CMCN4.0,...) nên đòi hỏi các chính sách hỗ trợ cũng khác nhau qua các thời kỳ nhưng phải thống nhất chung trong toàn hệ thống HTX. Tính cụ thể phụ thuộc vào đặc thù mảng nông nghiệp ở mỗi địa phương bởi mỗi địa phương khác nhau có những lợi thế riêng biệt về ngành nông nghiệp cũng như những khó khăn khác nhau, vì thế các chính sách hỗ trợ cũng sẽ khác nhau.

Ba là, hỗ trợ của Nhà nước chủ yếu đề cập tới những chính sách, chế độ, mang tính khuyến khích, động viên, mở đường, tạo điều kiện,...tránh thiên về ép buộc. Kèm với đó, hỗ trợ của Nhà nước còn thể hiện sự khích lệ về mặt tinh thần, giúp cho các HTXNN thụ hưởng sự hỗ trợ có những cải tiến đáng kể về lĩnh vực mà họ đang tham gia.

Bốn là, hỗ trợ của Nhà nước đối với HTXNN không chỉ trong giai đoạn ra đời - thành lập, đăng ký, được cấp phép để bắt đầu hoạt động với tư cách pháp nhân, mà còn tiếp tục duy trì trong quá trình phát triển của HTXNN. Kinh tế thị trường có một quy luật rất khắc nghiệt là, quy luật cạnh tranh sẽ đào thải khỏi thị trường những HTX yếu

kém, làm ăn không hiệu quả. Sự hỗ trợ của Nhà nước trong giai đoạn khởi đầu rất quan trọng, nhưng các HTXNN cần sự hỗ trợ, giúp đỡ thường xuyên, liên tục, ổn định và thực sự hiệu quả sau đó. Hỗ trợ thực sự hiệu quả của Nhà nước đối với HTXNN được hiểu là: giúp đỡ đúng lúc, đúng những gì hợp HTXNN cần, tác động thực chất và tạo sự chuyển biến tích cực rõ rệt.”

2.1.2. Vai trò của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới và sự cần thiết hỗ trợ nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam

“Thứ nhất, tạo điều kiện cho hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ra đời và phát triển

Thứ hai, nâng cao vai trò kinh tế tập thể trong nền kinh tế

Thứ ba, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trong nông nghiệp ngày càng chuyên nghiệp

Thứ tư, góp phần hiện thực mục tiêu nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh

2.1.3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Luật hợp tác xã năm 1996 ra đời nhằm hướng đến cụ thể hoá hơn về động lực phát triển cũng như nền tảng pháp lý cho mô hình hợp tác xã trong thời kỳ mới. Tuy nhiên trong nội dung luật hợp tác xã giai đoạn này, vẫn chưa định hình cụ thể về thành phần tham gia cũng như những đặc trưng riêng cho lĩnh vực nông nghiệp.

Trên tinh thần đó, Luật hợp tác xã 2003 được ban hành đã bám sát bản chất, giá trị và nguyên tắc cơ bản của mô hình hợp tác xã. Hoạt động của hợp tác xã bước đầu đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của thành viên tham gia, hoạt động kinh tế được chú trọng hơn, gắn với phát triển xã hội, gắn kết cộng đồng. Tiếp đến, Luật hợp tác xã 2012 được triển khai đã làm rõ bản chất của hợp tác xã kiểu mới, mở rộng đối tượng tham gia hợp tác xã, quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã đối với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm cho các thành viên ra thị trường. Sự ra đời của Luật hợp tác xã 2012 được xem là cột mốc đánh dấu sự ra đời của mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới hoạt động có hiệu quả hơn trong nền kinh tế thị trường và bối cảnh hội nhập quốc tế.

Các kỳ đại hội Đảng toàn quốc khóa X (năm 2006), khóa XI (năm 2011) tiếp tục khẳng định việc khuyến khích, thúc đẩy phát triển kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp; đồng thời cần giải thể hoặc chuyển các hợp tác xã chỉ còn là hình thức sang các loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật. Để đẩy mạnh phát triển hợp tác xã gắn với xây dựng nông thôn mới, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 32/2016/QH14 về tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, trong đó có nội dung: *“Phấn đấu đến năm 2020 có 15.000 hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả”*.

Đại hội Đảng lần thứ XIII (năm 2021) đã nhấn mạnh hợp tác xã nông nghiệp là hình thức sản xuất cần khuyến khích phát triển: *“Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp, hiệu quả; đẩy mạnh hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nông sản, kết nối với hệ thống tiêu thụ toàn cầu. Phát triển mạnh doanh nghiệp nông nghiệp; hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các tổ hợp tác”*.

2.2. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

2.2.1. Nội dung hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

2.2.1.1. Hỗ trợ bằng nguồn lực tài chính

2.2.1.2. Hỗ trợ thông qua chính sách đất đai

2.2.1.3. Hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

2.2.1.4. Hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ trong nông nghiệp

2.2.1.5. Hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

2.2.2. Tiêu chí đánh giá hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

2.2.2.1. Bộ máy hỗ trợ

2.2.2.2. Tổ chức thực hiện hỗ trợ

2.2.2.3. Đánh giá kết quả hỗ trợ

2.2.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, cơ chế chính sách

Thứ hai, môi trường kinh tế vĩ mô

Thứ ba, năng lực của cơ quan thực thi

Thứ tư, nguồn lực thực hiện

Thứ năm, năng lực nội tại của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ sáu, sự tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 và toàn cầu hoá đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

2.3. KINH NGHIỆM VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA VÀ BÀI HỌC RÚT RA CHO VIỆT NAM

2.3.1. Kinh nghiệm về hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia

2.3.1.1. Nhật Bản

Chính phủ Nhật Bản rất coi trọng thể chế hợp tác xã và ban hành nhiều chính sách phát triển và mở rộng nhằm thông qua đó có thể giúp người nông dân nâng cao thu nhập.

Trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, để giải quyết những bất cập nói trên, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành các chính sách thúc đẩy hợp tác xã phát triển như: i) Chính sách tái cấu trúc tổ chức hợp tác xã; ii) Chính sách quy hoạch vùng và theo hướng mỗi làng một sản phẩm (One-village One product); iii) Chính sách phát triển khoa học công nghệ; iv) chính sách phát triển công nghiệp chế biến với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị nông sản; v) chính sách khuyến nông nhằm tăng cường năng lực cho các thành viên của hợp tác xã; vi) chính sách tổ chức tiêu thụ nông sản qua chợ đầu giá.

Trong suốt chiều dài phát triển, chính phủ Nhật Bản đã có những chính sách hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp phát triển. Trong đó, đặc biệt chú trọng xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý về hợp tác xã. So với các quốc gia khác trên thế giới, luật hợp tác xã ra đời ở Nhật từ khá sớm, lần đầu tiên được ban hành vào năm 1900, được sửa đổi và hoàn thiện theo thời gian nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển hợp tác xã qua từng thời kỳ cụ thể. Đồng thời, chính phủ Nhật Bản còn tăng cường xã hội hoá hệ thống phục vụ nông nghiệp, coi hợp tác xã nông nghiệp là một trong những hình thức phục vụ xã hội hoá tốt nhất đối với nông nghiệp.

2.3.1.2. Hàn Quốc

Năm 1961, nhận thấy lực lượng nông dân có ý nghĩa sống còn về kinh tế và chính trị với đất nước, Chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập Liên đoàn hợp tác xã nông nghiệp Quốc gia (NACF) dựa trên hai tổ chức hoạt động độc lập lúc đó là Ngân hàng nông nghiệp và tổ chức hợp tác xã cũ. Sau đó, Liên đoàn tiến hành thiết lập mạng lưới hợp tác xã từ trung ương xuống cơ sở nhằm thực hiện hai mục tiêu cơ bản: i) Cung cấp vốn cho nông dân. Trong giai đoạn này, thị trường vốn hoạt động yếu, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, nông dân thường phải vay nặng lãi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và đời sống. Do đó, chính phủ Hàn quốc đã ban hành luật cấm cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn và thông qua hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp hỗ trợ vốn cho nông dân mua nguồn vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất. ii) Tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Để thúc đẩy đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp như một biện pháp nâng cao đời sống của cộng đồng nông thôn, Chính phủ tạo điều kiện cho các hợp tác xã nông nghiệp mở rộng vai trò trong hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm.

2.3.1.3. Ấn Độ

Ngân hàng trung ương và Ngân hàng hợp tác xã nhà nước là tổ chức hỗ trợ và giám sát tài chính cho các hội tín dụng hợp tác xã. Hoạt động của các ngân hàng này giống như một liên kết giữa các hội hợp tác xã và thị trường tiền tệ, có chức năng trung gian trong việc chuyển các quỹ của hội dư thừa cho hội thiếu vốn. Ở phía trên của các hợp tác xã tín dụng là Ngân hàng hợp tác xã nhà nước được gọi là ngân hàng đỉnh (apex bank), điều khiển và cung cấp tài chính cho hoạt động của các ngân hàng trung ương, chỉ đạo phong trào hợp tác xã trong tiểu bang. Nguồn tài chính từ vốn cổ phần, tiền gửi công, các khoản cho vay từ Nhà nước và Ngân hàng Dự trữ Ấn Độ. Các liên minh hợp

tác xã quốc gia Ấn Độ là tổ chức cao nhất thúc đẩy phong trào hợp tác xã trong nước. Trong cấu trúc này, có các loại hợp tác xã: hợp tác xã tín dụng nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng phi nông nghiệp, hợp tác xã tiếp thị nông nghiệp, hợp tác xã nông hội và hợp tác xã dịch vụ xã hội.

2.3.2. Bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam

Thứ nhất, nhà nước có các chính sách khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế trong xã hội

Thứ hai, nhà nước chủ động thực hiện hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân

Thứ ba, nâng cao chức năng của nhà nước trong quá trình động viên và hỗ trợ các hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao ở các hợp tác xã nông nghiệp

Thứ tư, vai trò của Nhà nước trong phát triển hợp tác xã nông nghiệp thông qua xây dựng khuôn khổ pháp luật, ban hành chính sách.

Chương 3

THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013 - 2023

3.1. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

3.1.1. Số lượng, cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam giai đoạn 2013-2023

So sánh trong cơ cấu hợp tác xã, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tính đến 12/2023 có khoảng 20.500 cơ sở đang hoạt động; chiếm khoảng 66,7% tổng số hợp tác xã trong cả nước. So với năm 2022, tổng số hợp tác xã năm 2023 tăng 1.261 hợp tác xã (tăng 4%). Việc chiếm một tỷ trọng cao của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong cơ cấu hợp tác xã nói chung thể hiện tính phổ biến của loại hình hợp tác xã nông nghiệp cũng như tầm quan trọng của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới trong phát triển ngành nông nghiệp nói riêng và kinh tế - xã hội cả nước nói chung.

3.1.2. Bộ máy tổ chức của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Hiện nay, có hai mô hình quản lý hợp tác xã nông nghiệp được phân thành hai nhóm chính: (1) Quản lý riêng, điều hành riêng; (2) Vừa quản lý, vừa điều hành. Trong đó, mô hình quản lý thứ 2 được áp dụng phổ biến đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Đối với hợp tác xã nông nghiệp, bộ máy tổ chức có sự khác biệt cơ bản khi xem xét và đối chứng giữa hai Luật: Luật Hợp tác xã năm 2012 và Luật Hợp tác xã năm 2023. Nếu trong Luật Hợp tác xã 2012; cơ cấu tổ chức HTX nông nghiệp được thiết lập gồm: đại hội thành viên, Hội đồng quản trị; Giám đốc và Ban kiểm soát thì trong Luật Hợp tác xã năm 2023 đã có sự linh hoạt nhất định khi căn cứ trên quy mô xã viên mà

HTX đó có quyền giữ theo cơ cấu quản trị đầy đủ hoặc theo hình thức quản trị rút gọn khi chỉ còn 3 thành phần: đại hội thành viên, giám đốc và kiểm soát viên. Đối với các hợp tác xã có quy mô xã viên trên 10 thành viên trở lên (quy mô vừa và lớn) bắt buộc phải tổ chức theo bộ máy quản trị đầy đủ. Quy mô nhỏ với số lượng thành viên dưới 10 xã viên được quyền lựa chọn giữa hai hình thức quản trị rút gọn hoặc quản trị đầy đủ. Có thể thấy, đây là điểm mới của Luật Hợp tác xã năm 2023 so với Luật Hợp tác xã năm 2012.

3.1.3. Tình hình biến động hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Trong giai đoạn 2013-2023; số lượng hợp tác xã nông nghiệp bị giải thể và sáp nhập trong cả nước khá cao; khoảng 2.074 hợp tác xã nông nghiệp. Đứng đầu cả nước phải kể đến tỉnh Hoà Bình với 130 hợp tác xã; ngoài Cà Mau với 129 hợp tác xã thì phần lớn các hoạt động giải thể chủ yếu đến từ các tỉnh/thành miền bắc và miền trung. Thực tế, vẫn còn khoảng 795 số lượng hợp tác xã vẫn còn nhiều vướng mắc về mặt quy định chưa thể giải thể mặc dù đã ngưng hoạt động từ lâu (chiếm khoảng 6,6% so với tổng số hợp tác xã nông nghiệp hiện nay trên cả nước).

Số lượng hợp tác xã thành lập mới có dấu hiệu gia tăng tích cực trong giai đoạn 2013-2023. Khi giai đoạn đầu, số lượng còn khiêm tốn và có sự gia tăng đáng kể trong những năm sau này. Theo các chuyên gia, lý do chính cho sự gia tăng số lượng hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới đến từ cơ hội xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam nói chung và của các hợp tác xã nông nghiệp nói riêng vô cùng lớn. Sau khi gia nhập WTO và đặc biệt sau khi gia nhập CPTPP; EVFTA, các hợp đồng thương mại nông sản có sự gia tăng đáng kể. Đi kèm với đó là các yêu cầu về sản phẩm có chất lượng cao; sản xuất quy mô lớn; đảm bảo các tiêu chuẩn xanh sạch và có xu hướng ưu tiên đối với các hợp tác xã quy mô lớn.

3.1.4. Cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới theo các lĩnh vực và theo vùng kinh tế ở Việt Nam

Tính đến 12/2023, loại hình HTX dịch vụ tổng hợp chiếm tỷ trọng cao nhất trong số các HTXNN kiểu mới đang hoạt động ở nước ta. Loại hình HTX trồng trọt đứng vị thứ 2 với 38,5% tỷ trọng; HTX trong lĩnh vực thủy sản và chăn nuôi chiếm tỷ trọng bằng nhau 5,5% và thấp nhất là loại hình HTX diêm nghiệp tập trung ở các tỉnh thành ven biển như Phú Yên, Bình Thuận, Bình Định, Quảng Ngãi với 0,2%. Trong số các loại hình HTXNN kiểu mới, hiện vẫn còn một nhóm các HTXNN (chiếm khoảng 5,5%) ngừng hoạt động và đang trong giai đoạn làm các quy trình giải thể.

3.2. HIỆN TRẠNG BỘ MÁY HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

Bộ máy hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở nước ta được triển khai thông qua 2 cấp: cấp trung ương và cấp địa phương.

Trên cơ sở nội dung quyết định số 352/QĐ-TTg ngày 22/3/2017 về thành lập “Ban chỉ đạo quốc gia về kinh tế tập thể” và nội dung Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 25/10/2023 hướng đến việc kiện toàn “Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể”;

có thể thấy bộ máy hỗ trợ nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới cấp trung ương sẽ do phó thủ tướng chính phủ làm trưởng ban chỉ đạo. Song song với đó, có 3 phó trưởng ban song hành cùng phó thủ tướng tham gia điều hành và quản lý các hoạt động có liên quan đến hợp tác xã nói chung và hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới nói riêng, bao gồm: (1) Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư; (2) Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn và (3) Chủ tịch liên minh hợp tác xã Việt Nam. Mặt khác, các thứ trưởng ở các Bộ sẽ đảm nhiệm vị trí uỷ viên của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Bộ máy quản lý và hỗ trợ chính sách phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở cấp địa phương sẽ có sự phân trách đối với các sở:

(1) Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn chịu trách nhiệm quản lý các vấn đề nội dung thuộc chuyên môn nông nghiệp, nông thôn; đặc biệt là chất lượng sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp.

(2) Sở kế hoạch và đầu tư ở các tỉnh là cơ quan quản lý nhà nước chung về tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn.

Ở các sở khác sẽ bố trí các phòng ban mang tính chất kiêm nhiệm nhằm nắm bắt các thông tin chung về tình hình hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn.

3.3. THỰC TRẠNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Thực trạng hỗ trợ bằng nguồn lực tài chính đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Hệ thống Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã được giao cho Liên minh hợp tác xã Việt Nam quản lý. Việc tiếp cận vốn tín dụng của các hợp tác xã khó khăn nên cần có chính sách hỗ trợ hợp tác xã để có vốn sản xuất kinh doanh thông qua nguồn khác; với việc thành lập và hỗ trợ hợp tác xã thông qua quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã đã tạo điều kiện cho các hợp tác xã giải quyết một phần khó khăn về vốn hoạt động.

Theo báo cáo của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (quỹ hợp tác xã) Việt Nam, đến ngày 31/12/2022, cả nước có 56 quỹ hợp tác xã. Tính đến ngày 31/12/2022, đối với Quỹ hợp tác xã Việt Nam, tổng nguồn vốn hoạt động là 1.005 tỷ đồng, quỹ này đã thực hiện cho vay các hợp tác xã được 318 dự án đầu tư, tổng doanh số cho vay 981 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 436,2 tỷ đồng. Đối với quỹ hợp tác xã ở địa phương, tổng nguồn vốn hoạt động của các quỹ là 2.262 tỷ đồng, trong đó, vốn điều lệ do ngân sách nhà nước địa phương cấp là 990 tỷ đồng, doanh số cho vay đạt 19.870 tỷ đồng; dư nợ cho vay đạt 1.561 tỷ đồng cho 11.059 lượt hợp tác xã, 2.200 tổ hợp tác, 750.000 lượt thành viên hợp tác xã, trong đó khu vực nông nghiệp và nông thôn chiếm 68%, phi nông nghiệp chiếm 32%.

3.3.2. Thực trạng hỗ trợ đất đai

Mặc dù có những thay đổi đáng kể trong luật đất đai 2024 nhưng rõ ràng thời gian để luật hiện thực hóa còn khá lâu và không dễ dàng một sớm một chiều tạo ra những

điều kiện dễ dàng “đồn điền đổi thửa” nhằm phát triển nông nghiệp quy mô lớn. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc tiếp cận đất đai của hợp tác xã khó khăn. Cụ thể, Nghị định số 46/2014/NĐ-CP quy định miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với hợp tác xã nông nghiệp đến hết năm 2020, trong đó hợp tác xã thuê đất để sử dụng làm trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh được giảm 50% tiền thuê đất, nhưng chỉ áp dụng đối với các dự án mới. Nghị định số 123/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 1.1.2018 nhìn chung đã khắc phục cơ bản bất cập của các chính sách miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước trước đây. Tuy nhiên, chưa có chính sách cho hợp tác xã được thuê đất công ích, trong đó đất vượt 5% được thuê lâu dài, tạo thuận lợi cho hợp tác xã nông nghiệp được thuê đất làm trụ sở và sản xuất kinh doanh (hiện chỉ quy định đối với đối tượng hộ gia đình, cá nhân).

3.3.3. Thực trạng hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

Để hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp phát triển, các địa phương đã tích cực triển khai và bố trí kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã. Trong 04 năm qua, các địa phương đã hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cho 63.621 lượt cán bộ hợp tác xã với kinh phí 467,9 tỷ đồng, chiếm 43,8% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 265.040 triệu đồng, ngân sách địa phương 202.854 triệu đồng). Đây là chính sách được hỗ trợ nhiều nhất, tuy nhiên, hiệu quả hỗ trợ chưa cao do việc hỗ trợ còn dàn trải, chưa trọng tâm, trọng điểm vào các nội dung cần đào tạo; mặt khác chương trình và giáo trình đào tạo còn chưa phù hợp với đối tượng học.

3.3.4. Thực trạng hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ

Với chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới, các địa phương đã thực hiện hỗ trợ 3.926 hợp tác xã với kinh phí 1206 tỷ đồng, chiếm 18,6% số kinh phí hỗ trợ (trong đó ngân sách Trung ương 627 tỷ đồng, ngân sách địa phương 579 tỷ đồng). Việc hỗ trợ chủ yếu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sử dụng nguồn lực của Trung ương hỗ trợ cho các tỉnh theo Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

3.3.5. Thực trạng hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Trong giai đoạn 2013 - 2023, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam đã tiến hành xây dựng, triển khai nhiều chương trình xúc tiến thương mại kết hợp xúc tiến đầu tư, xây dựng chuỗi giá trị, chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả cho HTXNN kiểu mới giai đoạn 2023-2025. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam cũng đã tổ chức thành công 07 hội chợ xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu cho khu vực KTTT, HTX, ký kết 140 hợp đồng, biên bản ghi nhớ, thực hiện 308 kết nối tiêu thụ, giới thiệu sản phẩm cho các HTX.

Bên cạnh đó, xây dựng gian thương mại điện tử của Liên minh HTX Việt Nam trên nền tảng điện tử Alibaba. Hướng dẫn cho một số HTX sản xuất, xuất khẩu nông sản

với các lĩnh vực nông nghiệp đặc thù như dược liệu và hàng thủ công mỹ nghệ với các phiên tư vận xuất khẩu vào thị trường Úc, Châu Âu và Châu Phi.

3.4. ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUÁ TRÌNH HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

3.4.1. Môi trường kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP và đóng góp của nông nghiệp: Quý I/2025, GDP cả nước ước tăng 6,93% so với cùng kỳ năm trước, đây là mức tăng cao nhất trong các quý I giai đoạn 2020-2025. Trong đó, ngành nông, lâm, thủy sản tăng 3,74%, đóng góp khoảng 6,09% vào tổng giá trị tăng thêm của nền kinh tế (Tổng cục Thống kê, 2024). Sự tăng trưởng này cho thấy nông nghiệp vẫn giữ vai trò quan trọng, song mức tăng thấp hơn ngành công nghiệp và dịch vụ, điều này đòi hỏi hỗ trợ tập trung nhằm nâng cao năng suất và giá trị gia tăng cho HTXNN.

3.4.2. Năng lực cơ quan thực thi hỗ trợ của Nhà nước

Thứ nhất, năng lực nhân sự và cán bộ quản lý. Cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu về kỹ năng quản lý, tư vấn phát triển HTX. Nhiều nơi cán bộ kiêm nhiệm, dẫn đến việc triển khai hỗ trợ chưa sát thực tiễn. Sự hạn chế này làm giảm hiệu quả truyền tải chính sách từ cấp trung ương xuống HTX cơ sở.

Thứ hai, năng lực giám sát và đánh giá. Các cơ quan Nhà nước đã xây dựng hệ thống báo cáo định kỳ, song công tác theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động HTXNN còn nặng về hình thức, thiếu cơ chế đánh giá độc lập. Việc tổng kết và rút kinh nghiệm để điều chỉnh chính sách chưa kịp thời, khiến nhiều hỗ trợ chưa đúng đối tượng hoặc chưa phát huy hiệu quả mong muốn.

Thứ ba, năng lực phối hợp với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp. Các cơ quan Nhà nước đã có sự kết hợp với Liên minh HTX Việt Nam, hội nông dân, doanh nghiệp và viện trường trong đào tạo, chuyển giao khoa học - công nghệ.

3.4.3. Nguồn lực thực hiện hỗ trợ

Về nguồn vốn tín dụng và khả năng tiếp cận vốn: Theo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, đến cuối năm 2023, dư nợ tín dụng lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn đạt hơn 3,29 triệu tỷ đồng, chiếm khoảng 24,29% tổng dư nợ toàn nền kinh tế. Trong nửa đầu năm 2025, tín dụng cho nông nghiệp và vùng nông thôn tăng trưởng khoảng 5,31% so với cuối năm 2024, chiếm 23,16% tổng dư nợ của cả nước.

3.4.4. Năng lực nội tại của các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

Thứ nhất, về quy mô và số lượng. Tính đến năm 2023, cả nước có trên 20.000 HTXNN, chiếm hơn 65% tổng số HTX. Quy mô trung bình của một HTXNN đã tăng dần, với khoảng 200 thành viên và tổng số thành viên đạt hơn 3,8 triệu người. Điều này phản ánh sự mở rộng về mặt tổ chức và sức hút đối với nông dân, tạo cơ sở để hình thành vùng nguyên liệu tập trung, sản xuất hàng hóa quy mô lớn.

Thứ hai, về năng lực tài chính. Phần lớn HTXNN có vốn điều lệ thấp, trung bình chỉ khoảng 1,5 - 2 tỷ đồng/HTX. Nguồn vốn chủ yếu dựa vào sự đóng góp của xã viên,

vốn vay ngân hàng hoặc hỗ trợ từ các chương trình Nhà nước. Tuy một số HTX đã huy động được nguồn lực từ doanh nghiệp đối tác hoặc tham gia các dự án liên kết chuỗi, nhưng nhìn chung tiềm lực tài chính còn mỏng, chưa đủ để mở rộng sản xuất, đầu tư máy móc hiện đại hay phát triển thương hiệu.

Thứ ba, về năng lực quản trị. Các HTXNN kiểu mới đã áp dụng nguyên tắc tự chủ, dân chủ, công khai, minh bạch. Một số HTX đã xây dựng chiến lược sản xuất - kinh doanh bài bản, áp dụng phần mềm quản lý và tổ chức sản xuất theo hợp đồng liên kết. Tuy nhiên, đa số ban quản trị còn hạn chế về năng lực quản lý kinh tế, kỹ năng tiếp thị, đàm phán và kiến thức pháp luật. Tình trạng quản lý mang tính truyền thống, thiếu chuyên nghiệp vẫn phổ biến, khiến HTX khó cạnh tranh trong nền kinh tế thị trường.

Thứ tư, về năng lực khoa học - công nghệ. Khoảng 10% HTXNN hiện nay đã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất như nhà kính, tưới nhỏ giọt, truy xuất nguồn gốc bằng mã QR hay thương mại điện tử. Một số mô hình tiêu biểu như HTX rau an toàn, HTX sản xuất lúa hữu cơ, HTX chăn nuôi VietGAP đã khẳng định hiệu quả. Tuy nhiên, số lượng HTX ứng dụng công nghệ tiên tiến còn quá ít so với nhu cầu, chủ yếu vẫn sản xuất nhỏ lẻ, thủ công, thiếu vốn đầu tư vào đổi mới công nghệ.

Thứ năm, về năng lực liên kết thị trường. Một số HTXNN đã ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm với doanh nghiệp, tham gia chuỗi giá trị nông sản, góp phần ổn định đầu ra cho nông dân. Tuy vậy, đa số HTX vẫn phụ thuộc vào thị trường tự do, khả năng xây dựng thương hiệu và tiếp cận kênh phân phối hiện đại còn hạn chế. Việc thiếu thông tin thị trường và kỹ năng xúc tiến thương mại khiến sản phẩm của HTX chưa tạo được sức cạnh tranh cao.

Thứ sáu, về năng lực xã hội - cộng đồng. HTXNN kiểu mới đã từng bước nâng cao tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau giữa các xã viên, đồng thời đóng góp tích cực vào chương trình xây dựng nông thôn mới. Một số HTX trở thành hạt nhân trong phong trào giảm nghèo bền vững, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho xã viên. Song vẫn còn tình trạng xã viên tham gia HTX chỉ để “có tên” mà chưa gắn bó thực sự, dẫn đến tính gắn kết cộng đồng chưa cao.

3.4.5. Sự tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư và toàn cầu hoá đến hỗ trợ của Nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

CMCN 4.0 với các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ blockchain và thương mại điện tử đang làm thay đổi phương thức sản xuất, quản trị và phân phối sản phẩm nông nghiệp. Toàn cầu hóa làm gia tăng mức độ hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Việc tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (như CPTPP, EVFTA, RCEP) mở ra cơ hội xuất khẩu nông sản, nhưng cũng đặt ra yêu cầu khắt khe về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường. CMCN 4.0 và toàn cầu hóa cũng làm thay đổi vai trò của Nhà nước trong hỗ trợ phát triển HTXNN kiểu mới.

3.5. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

3.5.1. Những kết quả đạt được

Thứ nhất, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới phát triển trên nền tảng chủ trương, đường lối rõ ràng của Đảng và Nhà nước. Chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về phát triển mô hình HTXNN kiểu mới đã có tác động nhiều mặt và trực tiếp đến việc củng cố, đổi mới, phát triển HTX nói chung, bước đầu làm thay đổi nhận thức của cán bộ, đảng viên và hộ nông dân về vai trò của HTXNN kiểu mới trong quá trình tái cơ cấu nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. Một số HTX, tổ hợp tác đã biết phát huy nội lực, tranh thủ các điều kiện để phát triển, trong đó nhiều HTXNN đã có xu hướng chuyển dần từ hình thức chỉ tổ chức sản xuất hoặc chỉ tiêu thụ sản phẩm sang cung cấp dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống của thành viên. Việc chuyển đổi này phù hợp với sự thay đổi của nền kinh tế thị trường, phù hợp với bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, cạnh tranh ngày càng gay gắt.

Thứ hai, hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới phát triển cả về số lượng và chất lượng. Thu nhập của HTXNN kiểu mới và thành viên trong các HTXNN hoạt động có hiệu quả tăng mạnh (nhiều HTXNN có thu nhập của thành viên đạt trên 10 triệu đồng/người/tháng, có HTXNN đạt doanh thu trên 100 tỷ đồng) nên đã động viên các thành viên yên tâm tham gia và gắn bó với HTX, góp phần vào thực hiện có hiệu quả Chương trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Thứ ba, chất lượng hàng hóa hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ngày càng được khẳng định. Nhiều HTXNN kiểu mới ở các tỉnh, thành phố phát triển tốt nhờ mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất và quản trị truyền thống; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu sản xuất; áp dụng sáng tạo các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, công nghệ cao để tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng (VietGap, hữu cơ, GlobalGap, JAS, OCOP,...).

3.5.2. Hạn chế và nguyên nhân

Hạn chế

Thứ nhất, khó khăn trong tiếp cận tín dụng và chuyển đổi số. Lịch sử tín dụng với mức độ rủi ro cao đến từ thiên tai, dịch bệnh làm cho nhiều HTX khó lòng phục hồi nhanh và thực hiện đúng các cam kết vay mượn buổi đầu; do tài sản đảm bảo không có giá trị cao nên từ đó các tổ chức tín dụng rất ngại trong vấn đề giải ngân cũng như hình thành một tâm lý ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

Thứ hai, công tác tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về hợp tác xã còn công kênh. Tính đến năm 2023, Bộ NN&PTNN là một trong 2 Bộ (NN&PTNT và Kế Hoạch và Đầu tư) duy trì được bộ máy quản lý nhà nước riêng về HTX theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết TW5 Khóa IX. Bộ máy tham mưu, quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX

trong lĩnh vực nông nghiệp bao gồm: 01 Cục chuyên ngành (Cục Kinh tế hợp tác và PTNT) trực thuộc Bộ và các cán bộ kiêm nhiệm của các Tổng cục, Cục chuyên ngành thuộc Bộ chịu trách nhiệm quản lý kinh tế tập thể, HTX trong lĩnh vực chuyên môn của các Tổng Cục, Cục.

Thứ ba, năng lực nội tại của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới còn nhiều hạn chế. HTXNN kiểu mới gặp rất nhiều khó khăn trong việc xin thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất; việc đào tạo, ứng dụng chuyển giao khoa học công nghệ, xúc tiến thương mại, chính sách thuế; chính sách đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, chế biến sản phẩm và các chính sách khác chưa được các địa phương quan tâm thỏa đáng... Vì vậy, nhìn chung, các HTXNN kiểu mới gặp khó khăn trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh, thiếu mặt bằng thực hiện dự án, do đó cũng thiếu tài sản thế chấp vay vốn.

Thứ tư, sự bất ổn từ nhu cầu thị trường đầu ra cùng với hoạt động sản xuất của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới còn nhiều khó khăn. Các HTXNN kiểu mới còn gặp nhiều khó khăn: chi phí sản xuất cao do chi phí nhiên, nguyên vật liệu đầu vào tăng cao và nhiều biến động; thị trường tiêu thụ không ổn định; giá nông sản trong nước và xuất khẩu tăng nhưng mức độ hưởng lợi còn thấp và chưa hợp lý so với doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ trong chuỗi giá trị.

Thứ năm, kinh phí thực hiện hỗ trợ thương mại còn khá khiêm tốn. Việc triển khai chính sách xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường đến các HTXNN kiểu mới còn nhiều hạn chế. Cụ thể là kinh phí còn chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong tổng số kinh phí từ Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia (khoảng 3.93%), nhiều nội dung xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường chưa được HTXNN kiểu mới tiếp cận như tuyên truyền xuất khẩu, phát triển sản phẩm, thâm nhập thị trường, thông tin thị trường và kết nối cung cầu... Trong khi, cơ hội cho nông sản xuất khẩu hiện nay rất lớn bởi Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do với hơn 60 thị trường.

Những hạn chế nêu trên do những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, sự chưa phù hợp của chính sách đối với thực tiễn

Thứ hai, một số hợp tác xã chưa thực sự chủ động, mạnh dạn đầu tư trong khôi phục và phát huy nội lực để vươn lên phát triển sản xuất kinh doanh

Thứ ba, môi trường pháp lý cho hoạt động của HTX NN kiểu mới chưa thực sự hoàn thiện và đồng bộ.

Thứ tư, năng lực và trình độ của đội ngũ cán bộ trong hệ thống Liên minh HTX Việt Nam nói riêng và Nhà nước nói chung còn chưa đồng đều và chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thực tiễn.

Thứ năm, chưa xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn một cách rõ ràng và khả thi.

Chương 4

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

4.1. BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG ĐẾN SỰ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.1.1. Bối cảnh thế giới

Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, và với đặc thù là một quốc gia với độ mở kinh tế hơn 200% so với GDP như hiện nay, đây là một cơ hội lớn đối với việc tiếp cận thị trường nông sản thế giới của các hợp tác xã nông nghiệp ở Việt Nam. Bên cạnh lợi thế chung đó, những khó khăn của hội nhập của khá là phức tạp. Một khi những rào cản chính thức (ví dụ như thuế) khi chúng ta gia nhập vào các tổ chức kinh tế như CPTPP, EVFTA được giảm để tiếp cận thị trường thế giới thì hàng hóa nông sản giá rẻ từ các quốc gia khác lại có cơ hội xâm nhập thị trường Việt Nam. So sánh trên sự tương quan về quy mô và nguồn lực, việc bị “lép vế” của hợp tác xã nông nghiệp ở nước ta so với quy mô của các quốc gia khác sẽ rất dễ làm cho các hợp tác xã nông nghiệp ở nước ta bị mất “thị trường” ngay cả trên quốc gia mình. Do đó, việc hỗ trợ của nhà nước cần hướng đến đánh giá toàn diện những lợi ích và khó khăn mà các hợp tác xã nông nghiệp phải đối diện trong quá trình mở cửa hội nhập và từ đó có những chính sách và chế tài cụ thể.

4.1.2. Bối cảnh trong nước

Nguồn lực tài chính tham gia hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp nói chung và các hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới nói riêng ở nước ta sẽ ảnh hưởng và có xu hướng sụt giảm. Chi phí lao động tăng làm ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh vốn dựa trên lợi thế về chi phí sản xuất thấp của nông sản thô. Sử dụng quá mức vật tư đầu vào và tài nguyên thiên nhiên đang trở thành vấn đề nóng bỏng. Một số vấn đề môi trường đang cản trở tăng năng suất lao động và vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Việt Nam đang đứng trước các cơ hội hứa hẹn cả trên thị trường trong nước và quốc tế, nhưng muốn thành công thì các hợp tác xã nông nghiệp phải có khả năng tạo ra các sản phẩm (gồm thực phẩm và các sản phẩm khác) có độ tin cậy, chất lượng, an toàn và bền vững. Trong tương lai ngành nông nghiệp phải đảm bảo “tăng giá trị, giảm đầu vào”. Tức là, phải tạo ra nhiều giá trị kinh tế hơn mang lại hiệu quả cao hơn cho nông dân và người tiêu dùng đồng thời sử dụng ít hơn tài nguyên, nhân công và hóa chất độc hại.

4.2. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Phương hướng hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

“Thứ nhất, điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện chính sách hỗ trợ theo hướng có chọn lọc và trọng tâm, kích thích khởi nghiệp Hợp tác xã trong nông nghiệp, thúc đẩy sự phát triển bền vững của hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới.

Thứ hai, giảm bớt hỗ trợ trực tiếp cho hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới, hướng đến khuyến khích phát triển, tạo môi trường sản xuất và kinh doanh thuận lợi

Thứ ba, việc hoạch định chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới phải dựa trên những thông tin đầu vào thống nhất, chuẩn xác, có mức độ tin cậy cao; bộ máy thực thi chính sách cần có tính tập trung, tinh gọn, đủ năng lực phát huy những mặt thuận lợi, triệt tiêu những nguyên nhân gây ra bất cập, hạn chế của chính sách trong thời gian qua

4.2.2. Mục tiêu hỗ trợ của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam

Phân đầu đến năm 2030 đạt 50.000 hợp tác xã nông nghiệp; quy mô vốn một hợp tác xã 35 tỷ đồng (năm 2023=19,8 tỷ/hợp tác xã); khu vực kinh tế tập thể đạt 15% GDP; số hợp tác xã tốt chiếm 15%, khá 30%, trung bình 50%, yếu kém 15%. Không còn hộ nghèo là thành viên hợp tác xã.

4.3. GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG NGHIỆP KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

4.3.1. Giải pháp hỗ trợ tài chính của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

4.3.2. Giải pháp hỗ trợ đất đai của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

4.3.3. Giải pháp hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

4.3.4. Giải pháp hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ

4.3.5. Giải pháp hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới

KẾT LUẬN

HTX NN kiểu mới là một loại hình HTX đang dần trở nên phổ biến và nhận được sự quan tâm lớn không chỉ các xã viên mà các nhà đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Giai đoạn 2013 - 2023, khu vực kinh tế tập thể trong đó có HTX NN kiểu mới đã có những bước tiến rất đáng ghi nhận. Bình quân mỗi năm có khoảng 1.600 đến 2000 HTX NN kiểu mới được thành lập. Doanh số bình quân mỗi HTX đã tăng gần gấp đôi từ 1,6 tỷ đồng năm 2013 lên 2,3 tỷ đồng năm 2023. Cả nước thu hút được xấp xỉ 3,8 triệu hộ (bằng 38,5% tổng số hộ nông, lâm, thủy sản) tham gia; bình quân mỗi HTX có khoảng 180 thành viên. Mỗi HTX NN kiểu mới cung ứng từ 7 đến 16 dịch vụ khác nhau, trong đó có 4.200 HTX đã thực hiện được dịch vụ sơ chế, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm cho

thành viên và nông dân. Có trên 2.200 HTX NN đã liên kết đầu tư thành lập dự án, doanh nghiệp trực thuộc. Bên cạnh những thành quả tích cực nêu trên, do đặc thù là “kiểu mới” nên trong giai đoạn đầu phát triển rất khó tránh khỏi những khó khăn và rào cản; do đó để đạt được hiệu quả cao về kinh tế và xã hội cần thiết có những chính sách hỗ trợ kịp thời của Nhà nước trong quá trình phát triển.

Hiện nay, Nhà nước đã chính thức ban hành Luật HTX số 17/2023/QH15, có hiệu lực thực hiện từ tháng 7 năm 2024 (riêng điều khoản về dịch vụ tín dụng nội bộ được thực hiện từ tháng 9 năm 2023). Theo đó, Luật đã có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn phát triển của HTX; đặc biệt là hệ thống chính sách hỗ trợ phát triển HTX giai đoạn 2021 - 2025 vẫn được giữ nguyên nội dung, chỉ thay đổi điều kiện áp dụng của HTX phù hợp với Luật mới. Tuy nhiên, riêng về chính sách chuyên biệt hỗ trợ các HTX chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ số thì chưa có. Cơ chế, chính sách hỗ trợ HTX ứng dụng công nghệ số được lồng ghép trong Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

Khuôn khổ chính sách hỗ trợ HTX nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam khá đa dạng với nhiều loại hình chính sách, điều chỉnh trên nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có 5 chính sách nổi bật đó là chính sách đất đai; chính sách hỗ trợ đầu tư; chính sách tiếp cận vốn tín dụng; chính sách khoa học công nghệ; chính sách về lao động và đào tạo nhân lực; chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường. Nghiên cứu cũng chỉ ra những hạn chế còn thiếu trong quá trình hỗ trợ của Nhà nước đối với phát triển HTX NN kiểu mới ở Việt Nam, như: chính sách hỗ trợ phát triển của Nhà nước chưa đồng bộ, chưa phù hợp với nhu cầu thực tế của HTX NN kiểu mới, nhiều chính sách chưa quy định đối tượng thụ hưởng là HTX; nguồn lực hỗ trợ cho HTX phân tán; một số địa phương chưa thực sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, cân đối kinh phí thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển HTX; số lượng và trình độ cán bộ theo dõi, tư vấn, hỗ trợ HTX ở cấp huyện, xã hạn chế.

Nghiên cứu cũng đề xuất một số giải pháp hướng đến nâng cao năng lực hỗ trợ của Nhà nước đối với quá trình phát triển các HTX NN kiểu mới, cụ thể: (1) Hỗ trợ tài chính của nhà nước đối với HTX NN kiểu mới; (2) hỗ trợ đất đai của nhà nước đối với HTX NN kiểu mới; (3) hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực; (4) hỗ trợ trong tiếp cận và thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ và (5) hỗ trợ thông tin, dự báo của nhà nước đối với HTX NN kiểu mới.”

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Danh Hùng (2023), “Phát triển mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 12, (815).
2. Nguyễn Danh Hùng (2024), “Phát huy hiệu quả các mô hình hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới tại thành phố Cần Thơ”, *Tạp chí Tài chính*, kỳ 2, tháng 03, (821).
3. Nguyễn Danh Hùng (2024), “Giải pháp phát triển hợp tác xã nông nghiệp kiểu mới ở Việt Nam”, *Tạp chí tài chính*, kỳ 2, tháng 08, (831).